

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **479/2025/DS-ST**

Ngày: 17- 6- 2025

V/v tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Nữ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiệp

2. Bà Trương Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyên Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Mai Hào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 726/2025/DSST ngày 10/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 575/2025/QĐXXST-DS ngày 25/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 814/2025/QĐ-HPT ngày 23/5/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S,

Địa chỉ trụ sở: Lầu A, 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1998;

2. *Bị đơn:* Ông Chu Văn T, sinh năm 1985,

Địa chỉ: O Lô B, Chung cư S, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông L có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S do ông Nguyễn Đình L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 13/01/2015 Ông Chu Văn Thanh ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 15.000.000, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.15%/tháng (theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng TMCP S về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành thẻ tín dụng quốc tế S1.)

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Chu Văn Thanh thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là #### 21.952.479, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 20.768.000 đồng, còn nợ 9.461.694 Từ ngày 06/11/2017, ông T ngưng thanh toán, dù Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 9.461.694 làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.225 tháng (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Chu Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/6/2025 là 40.843.744 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 9.461.694, Lãi quá hạn: 31.382.050 đồng.

Ngoài ra, ông Chu Văn T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/6/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Chu Văn T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung thêm tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử.

Bị đơn ông Chu Văn T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: Đề nghị hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Án phí : Bị đơn phải chịu và tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn ông Chu Văn T thanh khoản tiền nợ thẻ tín dụng, Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự”, cụ thể là tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Chu Văn T có nơi cư trú cuối cùng tại nhà số O, lô B, Chung cư S, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đình L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

Bị đơn ông Chu Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 177, 179, 196, 208, 220, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông T đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan.

Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn ông Chu Văn Thanh thanh T2 số tiền nợ gốc và lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/01/2015, tính từ ngày vi phạm đến ngày 17/6/2025 là 40.843.744 đồng; thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Do bị đơn ông Chu Văn T không có văn bản trình bày có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét; Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải

quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, ngày 13/01/2015, ông Chu Văn T và với Ngân hàng TMCP S ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, kèm Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, theo đó Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Chu Văn T, hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2.15 %/tháng là phù hợp theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng TMCP S về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành thẻ tín dụng quốc tế S1.

Như vậy, việc giao kết các hợp đồng này giữa các bên là tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực từ thời điểm giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 21.952.479 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 20.768.000 còn nợ 9.461.694. Từ ngày 06/11/2017, ông T ngưng thanh toán nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 9.461.694 đồng sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 3.225%/tháng (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại) là phù hợp theo thỏa thuận tại Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng và Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Chu Văn T thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/01/2015, tính từ ngày vi phạm đến ngày 17/6/2025 là 40.843.744 đồng (trong đó gồm: Nợ gốc: 9.461.694, Lãi quá hạn: 31.382.050 đồng) thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.2] Về yêu cầu ông Chu Văn T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/01/2015 kèm Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, tính kể từ ngày 18/6/2025 cho đến ngày ông Chu Văn T trả hết nợ gốc là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Chu Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

H lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Các Điều 385, 401, 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Khoản 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

- Buộc ông Chu Văn T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc và lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/01/2015, tính từ ngày vi phạm đến ngày 17/6/2025 là 40.843.744 (bốn mươi triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm bốn mươi bốn) đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 9.461.694, Lãi quá hạn: 31.382.050 đồng.

Kể từ ngày 18/6/2025 cho đến thi hành án xong, ông Chu Văn T còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 13/01/2015 kèm Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng.

- Thời hạn và phương thức thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Chu Văn T phải chịu số tiền là 2.042.187 (hai triệu không trăm bốn mươi hai nghìn một trăm tám mươi bảy) đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 911.501 (chín trăm mười một ngàn năm trăm lẻ một) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040332 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Nữ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc N

Nơi nhận :

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

Lê Ngọc Nữ